

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/05/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3-TD3+TD1+MRM	7:25	0+0+6+6	0+0+0		7+0+0+15	0+0+0	CHUYEN 2 TD3 MRM

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2024	TO: BK3 - TD3 - TD1 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UKIMCHUK	TD1	71	1	10		83	KH-THAC	Russian
2	HỒ NGỌC BÈN	TD1	70	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN LE ĐANG QUANG	TD1	77	1	14	40	93	KH-THAC	Vietnamese
4	TÀ HỒNG QUÂN	TD1	75	1	12	20	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN PHUONG DUY	TD1	74	1	13		133	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HUNG	TD1	72-73	2	19		85	KH-THAC	Vietnamese
7	ALEXANDER POPOV	MRM	87	1	12		87	HALLIBUR	Russian
8	MAI ĐẠI HAI	MRM	91	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TRỌNG HIỀN	MRM	88-89	2	16		67	DVL	Vietnamese
10	HOANG XUAN CANH	MRM	92-93	2	10		67	PSV	Vietnamese
11	PHAN XUAN LONG	MRM	94	1	6		65	PSV	Vietnamese
12	SYSTEROV ROMAN	MRM	90	1	10		80	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	0	0	0	0	15	7		CHUYEN 02 PAX TD3 SANG MRM
2	TD3	0	0	0	0	0	0+2		
3	TD1	6	7	75	532	60	0		
4	MRM	6	8	61	435	0	15		
TOTAL		12	15	136	967	75	22		
WEIGHT KG				136	967	75			

GRAND TOAL: 1.178 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/05/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P3	7:25	2+1+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
2		CLO+BK21+P1	7:25	1+0+21	0+0		0+0+22	0+0	chuyen 1 bk21-p1
3		P5+AMD	9:25	14+8	0+0		14+8	0+0	
4		P4+P7	9:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
5		CTK3+P1+P4	11:25	2+4+15	0+0+0		1+1+19	0+0+0	
6		TD3+AAMD	11:25	3+19	0+0		3+19	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2024	TO: PPD - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYAFIQ BIN KHAIRIL ANUAR	PPD	53-54	2	21	30	102	KHI	Malaysian
2	NGUYEN ANH SON	PPD	51-52	2	15		63	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN PHI DAN	P3	80	1	10		55	YTE	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC THUẬN	P3	85	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN THANH	P3	86	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LUƠNG HỮU HẬU	P3	81	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THẾ DƯƠNG	P3	88	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC HUY	P3	82	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	87	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN BUI NAM	P3	72	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	73	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH PHONG	P3	83-84	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	20	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ BA HÒA	P3	77-78	2	21		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	P3	75	1	7		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THẠO	P3	76	1	5		78	PSV	Vietnamese
17	BUI QUỐC DƯƠNG	P3	79	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HỮU	P3	74	1	7		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	2	4	36	165	30	0		
2	P3	16	18	117	1.190	0	22		
TOTAL		18	22	153	1.355	30	22		
WEIGHT KG				153	1.355	30			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2024	TO: CLO - BK21 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cuong -	ETA: 09:25
CAM-1		QTruong	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM DINH TIEN	CLO	88-89	2	14	20	62	BH	Vietnamese
2	BABKIN A.	P1	64	1	6		97	KH-THAC	Russian
3	KISELEV I.	P1	65	1	9		99	KH-THAC	Russian
4	TRAN KIM CUONG	P1	53	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRUNG CHINH	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGUYEN HOANG LONG	P1	60	1	10	15	92	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HIEU	P1	62-63	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUANG TRUONG	P1	52	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THE VINH	P1	57	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LONG BIEN	P1	59	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU DUNG	P1	68-69	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
12	LE DINH PHUC	P1	66	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TA QUOC VIET	P1	67	1	14		63	YTE	Vietnamese
14	LE KIEN TRUNG	P1	58	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
15	TO QUANG ANH	P1	54	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
16	VO HONG HAI	P1	70-71	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN THANG	P1	49	1	6		48	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUANG MINH	P1					78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM SY HIEP	P1	51	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG ANH TUAN	P1	55-56	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU NAM CUONG	P1	50	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM ANH SON	P1	79	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	1	2	14	62	20	0		CHUYEN 01 PAX BK21-P1
2	BK21	0	0	0	0	0	0	1	
3	P1	21	23	154	1.532	15	22		
TOTAL		22	25	168	1.594	35	22		
WEIGHT KG				168	1.594	35			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2024	TO: P5 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Sơn - Tú	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH HÙNG	P5	66-67	2	11		70	YTE	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	P5					75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG HIỆU	P5	98	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG PHÚC	P5	99	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	94	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIỀN	P5	93	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SỸ CÔNG	P5	96-97	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH PHÚC	P5	39	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	95	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG BA VINH	P5	91	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO VĂN THẮNG	P5	400	1	11		55	PSV	Vietnamese
12	LÊ XUÂN TÌNH	P5	68	1	7		71	PSV	Vietnamese
13	PHAN SỸ HOÀN	P5	92	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG TRINH	P5	90	1	4		56	PSV	Vietnamese
15	TRAN DAI NGHIA	AMD	54	1	7		70	HLJOC	Vietnamese
16	TRAN NAM TRUNG	AMD	55	1	5		74	HLJOC	Vietnamese
17	HỒ ANH QUỐC	AMD	52	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	56	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH HÙNG	AMD	47-49	3	20		58	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	46	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ VĂN SAU	AMD	50-51	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	15	88	920	0	14		
2	AMD	8	11	65	539	0	8		
TOTAL		22	26	153	1.459	0	22		
WEIGHT KG				153	1.459	0			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2024	TO: P4 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HÙNG - N.Cương -	ETA: 11:45
XANH-2		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY THAI	P4	02	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT BANG	P4	05	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	03	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	P4	09	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	01	1	17		86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	08	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒ THIÊN TAM	P4	10-11	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI QUANG HOÀN	P4	06-07	2	8		95	YTE	Vietnamese
9	BUI MINH TUÂN	P4	04	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN TRUNG	P7	13	1	7		68	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	P7	18	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	P7	12	1	17		55	KH-THAC	Vietnamese
13	HUỲNH THANH TAM	P7	19-20	2	14		90	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	10	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	P7	11	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LỢI	P7	16	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P7	08	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN	P7	15	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	18	1	4		78	PSV	Vietnamese
21	BUI VĂN QUAN	P7	14	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	ĐÀU CÔNG SAU	P7	09	1	3		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	11	67	644	0	7		
2	P7	13	13	77	956	0	15		
TOTAL		22	24	144	1.600	0	22		
WEIGHT KG				144	1.600	0			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2024	TO: CTK3 - P1 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Thành	ETA: 14:00
xanh-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TU THANG	CTK3	94	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM HUU TUNG	CTK3					70	SAN BAY	Vietnamese
3	PHAM HUU PHUOC	P1	94	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN PHIEN	P1	95	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI HUY NGHIEP	P1					78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HOANG SANG	P1	96	1	15		93	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NHAN HAI	P4	13	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN NGOC TUAN	P4	25	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU HA	P4					77	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HOANG LONG	P4	16	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TOAN	P4	15	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG	P4	14	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SON	P4	21	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	CHU VAN DAT	P4	17	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN BA	P4	19	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VAN QUANG	P4	24	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ANH THANG	P4	20	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HA TAN DUNG	P4	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	23	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VAN MANH	P4	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MANH CUONG	P4	18	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	2	1	4	130	0	1		
2	P1	4	3	23	312	0	1		
3	P4	15	14	77	1.018	0	19		
TOTAL		21	18	104	1.460	0	21		
WEIGHT KG				104	1.460	0			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2024	TO: TD3 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Linh - HTrung - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HIỀN	TD3	67	1	10	13	82	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC HÙNG	TD3	69	1	11	12	73	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	TD3	71,73	2	19	11	73	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	75-76	2	9		79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG THANH	AMD	68-69	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	73	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MẠNH HÀ	AMD	80-81	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	82-83	2	18		78	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SỸ QUYỀN	AMD	61-62	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	74	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VĂN GIANG	AMD	58	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	65-66	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	AMD	78-79	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NHẠ	AMD	67	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH TUNG	AMD	63	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THĂNG	AMD	64	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	57	1	7		58	PSV	Vietnamese
18	PHẠM TUÂN THANH	AMD	77	1	4		78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG PHÚC PHI	AMD	59-60	2	10		68	HA VIỆT	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HẰNG	AMD	70	1	9		66	HA VIỆT	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUYỀN	AMD	71	1	9		67	HA VIỆT	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LÊ	AMD	72	1	8		66	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	4	40	228	36	3		
2	AMD	19	27	194	1.337	0	19		
TOTAL		22	31	234	1.565	36	22		
WEIGHT KG				234	1.565	36			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN